

Số: 52/TB-ĐG

Quy Nhơn, ngày 07 tháng 5 năm 2026

SỞ TƯ PHÁP TỈNH GIA LAI

Số: 11638
Ngày: 07/5/2026
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

THÔNG BÁO ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT Ở

1. Tổ chức hành nghề đầu giá tài sản: Doanh nghiệp đầu giá tư nhân Quốc Thịnh, trụ sở chính: Lô 20-6 đường Nguyễn Bính, khu đô thị mới An Phú Thịnh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

2. Người có tài sản: Ban Quản lý xã Phù Mỹ Nam, tỉnh Gia Lai, địa chỉ: Thôn Đại Thuận, xã Phù Mỹ Nam, tỉnh Gia Lai.

3. Tài sản đầu giá: Quyền sử dụng đất ở tại các Khu dân cư xã Phù Mỹ Nam, tỉnh Gia Lai.

- Số lượng: 51 lô, tổng diện tích: 8.712,9m², tổng giá khởi điểm: 21.655.952.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi một tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Cụ thể:

a, Khu dân cư thôn Đại Thuận xã Mỹ Hiệp (cũ)

- Khu C tờ bản đồ số 36

+ Mặt hướng Bắc, đường N2, lộ giới 14m: 1 lô, diện tích 204,7 m², giá khởi điểm: 736.920.000 đồng.

+ Mặt hướng Nam, đường N3, lộ giới 14m: 7 lô, diện tích 1.066,4 m², giá khởi điểm: 2.985.920.000 đồng.

+ Mặt hướng Tây, đường D1, lộ giới 14m: 2 lô, diện tích 429,4 m², giá khởi điểm: 1.159.380.000 đồng.

- Khu D tờ bản đồ số 36

+ Mặt hướng Bắc, đường N3, lộ giới 14m: 10 lô, diện tích 1.589,8 m², giá khởi điểm: 4.421.952.000 đồng.

+ Mặt hướng Nam, đường D1, lộ giới 14m: 6 lô, diện tích 931,2 m², giá khởi điểm: 2.514.240.000 đồng.

+ Mặt hướng Tây, đường D1, lộ giới 14m: 2 lô, diện tích 429,1 m², giá khởi điểm: 1.158.570.000 đồng.

- Khu E tờ bản đồ số 36

+ Mặt hướng Đông, đường D3, lộ giới 12m: 5 lô, diện tích 936,0 m², giá khởi điểm: 2.527.200.000 đồng.

+ Mặt hướng Tây, đường D2, lộ giới 14m: 2 lô, diện tích 374,4 m², giá khởi điểm: 1.048.320.000 đồng.

b, Khu dân cư xã Mỹ Tài (cũ)

- Khu dân cư thôn Vĩnh Phú 3 (tờ bản đồ số 16)

+ Mặt hướng Đông Nam, đường bê tông 3m: 10 lô, diện tích 1.626,0 m², giá



khởi điểm: 3.414.600.000 đồng.

- Khu dân cư thôn Mỹ Hội 2 (tờ bản đồ số 16)

+ Mặt hướng Tây Nam, đường bê tông 3m: 6 lô, diện tích 1.125,9 m², giá khởi điểm: 1.688.850.000 đồng.

(Ký hiệu, vị trí, diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ, bước giá của từng lô đất: Có phụ lục kèm theo).

4. Thời gian xem tài sản: Từ ngày niêm yết thông báo đến ngày mở cuộc đấu giá. Địa điểm xem tài sản: Tại nơi có tài sản.

5. Thời gian địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

+ Tại Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh: Trong giờ hành chính từ ngày niêm yết thông báo đấu giá đến trước 17h00 ngày 25/5/2026.

+ Tại Hội trường UBND xã Phù Mỹ Nam: Từ 08h00 đến trước 16h00 ngày 25/5/2026 (trong giờ hành chính)

6. Nộp tiền đặt trước: 20% giá trị khởi điểm của lô đất, khách hàng phải nộp riêng số tiền đặt trước theo từng lô đất quy định tại thông báo này.

- Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ ngày niêm yết thông báo đến trước 16h00 ngày 25/5/2026.

- Tiền đặt trước nộp vào tài khoản: Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh. STK: **111002783955** tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) - CN KCN Phú Tài hoặc STK: **5588166868** tại Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – CN Quy Nhơn hoặc STK: **444555588** tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) – CN Bình Định hoặc STK: **1246797979** tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) – CN Quy Nhơn.

7. Điều kiện và cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Những người pháp luật không cấm đấu giá quyền sử dụng đất ở có nhu cầu đấu giá: liên hệ Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh để mua hồ sơ mời tham gia đấu giá theo mẫu do Doanh nghiệp phát hành; điền đầy đủ nội dung và ký tên trong đơn đăng ký đấu giá.

- Khách hàng tham gia đấu giá phải nộp đủ 01 bộ hồ sơ và tiền đặt trước 20% giá trị khởi điểm của lô đất trong thời gian quy định theo thông báo để tham gia đấu giá.

*** Hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ gồm:**

- 01 Phiếu đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu của Doanh nghiệp phát hành,

- 01 thẻ CCCD/CC (bản photo),

- 01 chứng từ nộp tiền đặt trước và tiền hồ sơ (không in nhiệt), cụ thể:

+ Chứng từ nộp tiền đặt trước và tiền hồ sơ để đấu giá tài sản khách hàng ghi “Họ.tên người đăng ký..nộp tiền đặt trước và tiền hồ sơ đấu giá QSD đất xã Phù Mỹ Nam”. Người đã nộp tiền đặt trước không được nộp thay cho người khác tham gia đấu giá trong cùng 01 lô đất.

+ Đối với trường hợp người khác nộp hoặc chuyển tiền thay cho người tham gia đấu giá thì phần nội dung chuyển tiền phải thể hiện họ tên đầy đủ của người tham gia đấu giá. Người nộp hoặc chuyển tiền thay không được nộp thay cho người thứ 02 trong cùng 01 lô đất và cũng không được tham gia đấu giá trong cùng 01 lô đất.

- 01 phiếu trả giá vòng gián tiếp (vòng 1): thấp nhất phải bằng giá khởi điểm.

Tất cả các loại giấy tờ này khách hàng tự bấm chung, bỏ vào bì đựng hồ sơ đã phủ chất bảo mật do Doanh nghiệp cung cấp, dán, ký tên vào mép niêm phong bì đựng hồ sơ.

Khách hàng phải ghi đầy đủ họ và tên người đăng ký, tài sản đấu giá trên bì đựng hồ sơ, nộp vào thùng đựng hồ sơ của Doanh nghiệp đã niêm phong.

*** Lưu ý:**

Những người không được tham gia đấu giá QSD đất được quy định tại Điều 8 Quyết định số 77/2025/QĐ-UBND ngày 07/12/2025 của UBND tỉnh Gia Lai không nộp hồ sơ đăng ký đấu giá.

8. Thời gian, địa điểm đấu giá: Từ 9h00 ngày 28/5/2026 tại Hội trường UBND xã Phù Mỹ Nam.

9. Hình thức đấu giá: Đấu giá từng lô đất, kết hợp bỏ phiếu gián tiếp khi nộp hồ sơ đấu giá và đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá. **Phương thức đấu giá:** trả giá lên.

10. Quy định về phiếu trả giá hợp lệ; phiếu trả giá không hợp lệ:

- Những phiếu trả giá hợp lệ là phiếu ghi đầy đủ nội dung, giá khởi điểm, có số bước giá trả ít nhất bằng giá khởi điểm; số bước giá trả được ghi đầy đủ bằng số, bằng chữ và ký tên.

- Phiếu trả giá không hợp lệ là phiếu trả giá thấp hơn giá khởi điểm, ghi sai nội dung, nội dung ghi không đầy đủ, dùng mực đỏ, mực bút chì, không viết cùng 01 màu mực, sử dụng mực bay màu, bị gạch bỏ, sửa chữa, tẩy xóa và không ký tên.

11. Cách ghi phiếu trả giá, thời hạn nộp phiếu trả giá, trình tự thủ tục niêm phong, mở niêm phong thùng phiếu trả giá:

Người tham gia đấu giá phải ghi đầy đủ họ và tên, số CCCD, ngày cấp, nơi cấp; ghi giá khởi điểm của tài sản; số bước giá trả bằng số, bằng chữ; ghi ngày tháng năm trả giá; ký tên.

- Thời gian nộp phiếu trả giá: Trước 16h00 ngày 25/5/2026.

- Thời gian dán niêm phong thùng đựng phiếu trả giá: 16h00 ngày 25/5/2026.

- Thời gian mở niêm phong thùng đựng phiếu trả giá: 08h00 ngày 28/5/2026.

Đại diện Người tham gia đấu giá được mời chứng kiến việc dán niêm phong, mở niêm phong thùng đựng phiếu trả giá, dưới sự giám sát của người có tài sản và khách mời dự và giám sát cuộc đấu giá.

Các chi tiết khác vui lòng liên hệ: Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh, Lô 20-6 đường Nguyễn Bình, khu đô thị mới An Phú Thịnh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai. ĐT: **0911292557; 0905824457** hoặc xem thông báo số 52/TB-

ĐG ngày 07/5/2026 tại Ban Quản lý xã Phù Mỹ Nam hoặc tại UBND xã Phù Mỹ Nam hoặc trên Website: [https://daugiaquocthinh.com./](https://daugiaquocthinh.com/).

Nơi nhận:

- Sở Tư Pháp, Sở Tài Chính đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Cơ quan;
- Ban Quản lý xã Phù Mỹ Nam (niêm yết);
- UBND xã Phù Mỹ Nam (niêm yết);
- Cổng đấu giá tài sản Quốc gia (TB);
- Báo tuổi trẻ (TB);
- Niêm yết DN, lưu HS.



GIÁM ĐỐC

[Signature]
Nguyễn Quốc Thịnh



PHỤ LỤC

VỊ TRÍ, SỐ LÔ, KÍCH THƯỚC, DIỆN TÍCH, GIÁ KHỞI ĐIỂM, TIỀN ĐẶT TRƯỚC, HỒ SƠ, BƯỚC GIÁ CÁC LÔ ĐẤT TẠI CÁC KHU DÂN CƯ XÃ PHÙ MỸ NAM, TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Thông báo số 52/TB-ĐG ngày 07/5/2026 của Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Quốc Thịnh)

Thời gian bán và nhận hồ sơ: Từ ngày niêm yết thông báo đến trước 16h00 ngày 25/5/2026

Thời gian tổ chức đấu giá: Từ 9h00 ngày 28/5/2026 tại Hội trường UBND xã Phù Mỹ Nam

STT	Ký hiệu lô đất	Tờ bản đồ	Kích thước (m2)		Diện tích	Giá khởi điểm (đồng)		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước và tiền hồ sơ (đồng)
			Dài	Rộng		đ/m2	Thành tiền				
Quỹ đất do UBND xã Phù Mỹ Nam quản lý					8,712.9		21,655,952,000	4,329,100,000			
I	KDC thôn Vĩnh Phú 3 (tờ bản đồ 16), mặt hướng Đông Nam, đường bê tông 3m				1,626.0		3,414,600,000	682,700,000			
1	2				154.5	2,100,000	324,450,000	64,800,000	100,000	12,000,000	64,900,000
2	3				157.5	2,100,000	330,750,000	66,100,000	100,000	12,000,000	66,200,000
3	4				160.5	2,100,000	337,050,000	67,400,000	100,000	12,000,000	67,500,000
4	5				163.5	2,100,000	343,350,000	68,600,000	100,000	12,000,000	68,700,000
5	6				165.0	2,100,000	346,500,000	69,300,000	100,000	12,000,000	69,400,000
6	7				165.0	2,100,000	346,500,000	69,300,000	100,000	12,000,000	69,400,000
7	8				165.0	2,100,000	346,500,000	69,300,000	100,000	12,000,000	69,400,000
8	9				165.0	2,100,000	346,500,000	69,300,000	100,000	12,000,000	69,400,000
9	10				165.0	2,100,000	346,500,000	69,300,000	100,000	12,000,000	69,400,000
10	11				165.0	2,100,000	346,500,000	69,300,000	100,000	12,000,000	69,400,000
II	KDC thôn Mỹ Hội 2 (tờ bản đồ 16), mặt hướng Tây Nam, đường bê tông 3m				1,125.9		1,688,850,000	337,300,000			
11	1				253.6	1,500,000	380,400,000	76,000,000	100,000	12,000,000	76,100,000
12	2				185.9	1,500,000	278,850,000	55,700,000	100,000	10,000,000	55,800,000
13	3				171.6	1,500,000	257,400,000	51,400,000	100,000	10,000,000	51,500,000
14	4				171.6	1,500,000	257,400,000	51,400,000	100,000	10,000,000	51,500,000
15	5				171.6	1,500,000	257,400,000	51,400,000	100,000	10,000,000	51,500,000
16	6				171.6	1,500,000	257,400,000	51,400,000	100,000	10,000,000	51,500,000



STT	Ký hiệu lô đất	Tờ bản đồ	Kích thước (m2)		Diện tích	Giá khởi điểm (đồng)		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước và tiền hồ sơ (đồng)
			Dài	Rộng		đ/m2	Thành tiền				
III	KDC thôn Đại Thuận (Khu C tờ bản đồ số 36, mặt hướng Bắc, đường N2, lộ giới 14m)				204.7		736,920,000	147,300,000			
17	2	36			204.7	3,600,000	736,920,000	147,300,000	100,000	30,000,000	147,400,000
IV	KDC thôn Đại Thuận (Khu C tờ bản đồ số 36, mặt hướng Nam, đường N3, lộ giới 14m)				1,066.4		2,985,920,000	597,100,000			
18	28	36	25.0	6.0	150.0	2,800,000	420,000,000	84,000,000	100,000	15,000,000	84,100,000
19	29	36	25.0	6.0	150.0	2,800,000	420,000,000	84,000,000	100,000	15,000,000	84,100,000
20	32	36	25.0	6.0	150.0	2,800,000	420,000,000	84,000,000	100,000	15,000,000	84,100,000
21	33	36	25.0	6.0	150.0	2,800,000	420,000,000	84,000,000	100,000	15,000,000	84,100,000
22	34	36	25.0	6.0	150.0	2,800,000	420,000,000	84,000,000	100,000	15,000,000	84,100,000
23	35	36	25.0	6.0	150.0	2,800,000	420,000,000	84,000,000	100,000	15,000,000	84,100,000
24	36	36			166.4	2,800,000	465,920,000	93,100,000	100,000	15,000,000	93,200,000
V	KDC thôn Đại Thuận (Khu C tờ bản đồ số 36, mặt hướng Tây, đường D1, lộ giới 14m)				429.4		1,159,380,000	231,700,000			
25	37	36			237.0	2,700,000	639,900,000	127,900,000	100,000	25,000,000	128,000,000
26	1	36			192.4	2,700,000	519,480,000	103,800,000	100,000	20,000,000	103,900,000
VI	KDC thôn Đại Thuận (Khu D tờ bản đồ số 36, mặt hướng Bắc, đường N3, lộ giới 14m)				1,589.8		4,421,952,000	884,300,000			
27	2	36			239.8	3,240,000	776,952,000	155,300,000	100,000	30,000,000	155,400,000
28	3	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000
29	4	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000
30	5	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000

STT	Ký hiệu lô đất	Tờ bản đồ	Kích thước (m2)		Diện tích	Giá khởi điểm (đồng)		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ đầu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước và tiền hồ sơ (đồng)
			Dài	Rộng		đ/m2	Thành tiền				
31	6	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000
32	7	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000
33	8	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000
34	9	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000
35	10	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000
36	11	36	25.0	6.0	150.0	2,700,000	405,000,000	81,000,000	100,000	15,000,000	81,100,000
VII	KDC thôn Đại Thuận (Khu D tờ bản đồ số 36, mặt hướng Nam, đường D1, lộ giới 14m)				931.2		2,514,240,000	502,500,000			
37	16	36			169.3	2,700,000	457,110,000	91,400,000	100,000	15,000,000	91,500,000
38	17	36			163.7	2,700,000	441,990,000	88,300,000	100,000	15,000,000	88,400,000
39	18	36			158.0	2,700,000	426,600,000	85,300,000	100,000	15,000,000	85,400,000
40	19	36			152.4	2,700,000	411,480,000	82,200,000	100,000	15,000,000	82,300,000
41	20	36			146.7	2,700,000	396,090,000	79,200,000	100,000	12,000,000	79,300,000
42	21	36			141.1	2,700,000	380,970,000	76,100,000	100,000	12,000,000	76,200,000
VIII	KDC thôn Đại Thuận (Khu D tờ bản đồ số 36, mặt hướng Tây, đường D1, lộ giới 14m)				429.1		1,158,570,000	231,600,000			
43	23	36			232.3	2,700,000	627,210,000	125,400,000	100,000	25,000,000	125,500,000
44	1	36			196.8	2,700,000	531,360,000	106,200,000	100,000	20,000,000	106,300,000
IX	KDC thôn Đại Thuận (Khu E tờ bản đồ số 36, mặt hướng Đông, đường D3, lộ giới 12m)				936.0		2,527,200,000	505,000,000			
45	16	36			187.2	2,700,000	505,440,000	101,000,000	100,000	20,000,000	101,100,000
46	17	36			187.2	2,700,000	505,440,000	101,000,000	100,000	20,000,000	101,100,000
47	18	36			187.2	2,700,000	505,440,000	101,000,000	100,000	20,000,000	101,100,000

STT	Ký hiệu lô đất	Tờ bản đồ	Kích thước (m2)		Diện tích	Giá khởi điểm (đồng)		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền đặt trước và tiền hồ sơ (đồng)
			Dài	Rộng		đ/m2	Thành tiền				
48	19	36			187.2	2,700,000	505,440,000	101,000,000	100,000	20,000,000	101,100,000
49	21	36			187.2	2,700,000	505,440,000	101,000,000	100,000	20,000,000	101,100,000
X	KDC thôn Đại Thuận (Khu E tờ bản đồ số 36, mặt hướng Tây, đường D2, lộ giới 14m)				374.4		1,048,320,000	209,600,000			
50	28	36			187.2	2,800,000	524,160,000	104,800,000	100,000	20,000,000	104,900,000
51	29	36			187.2	2,800,000	524,160,000	104,800,000	100,000	20,000,000	104,900,000

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

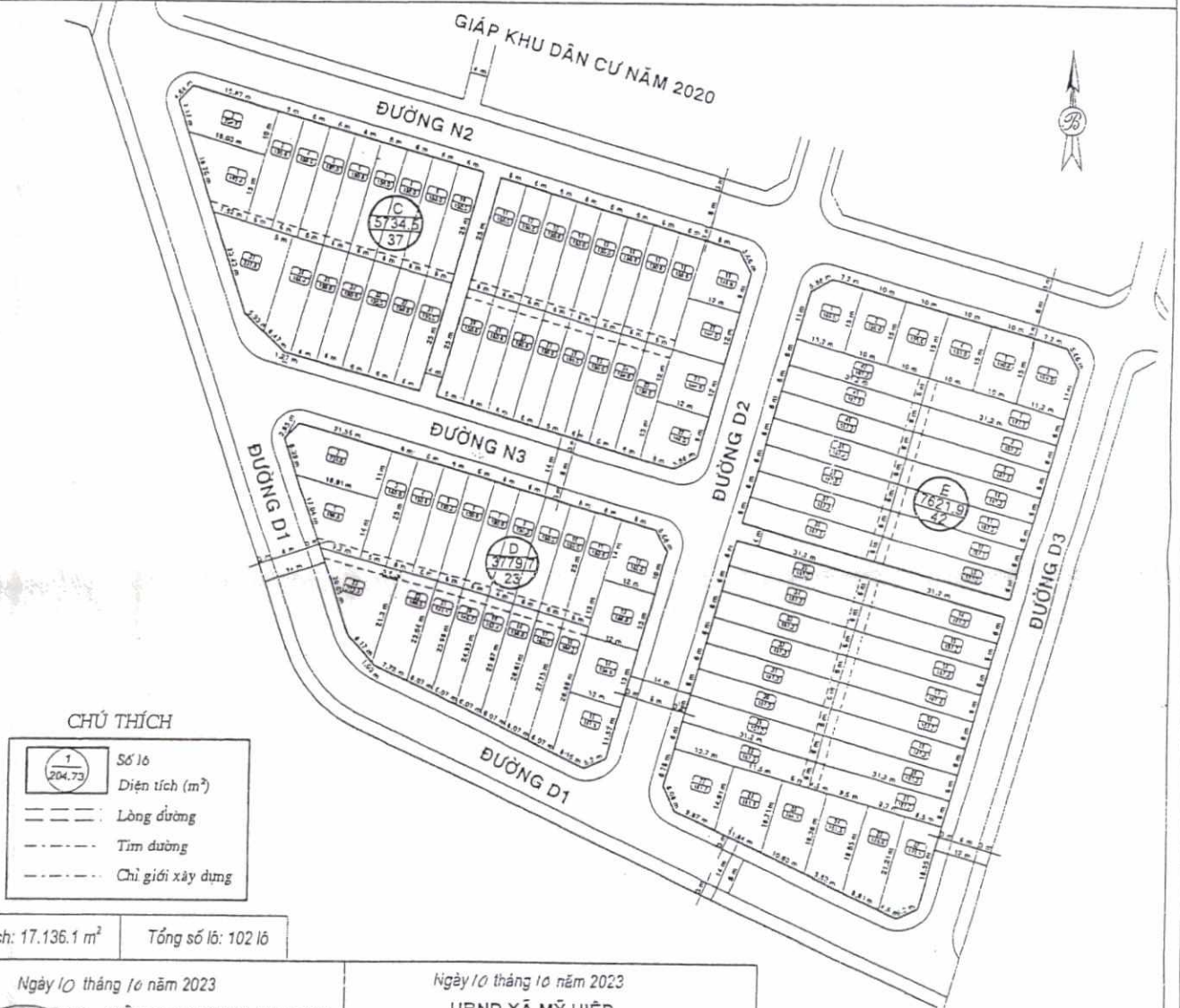
SƠ ĐỒ PHÂN LÔ

Tên công trình: Xin giao đất khu dân cư năm 2023 tại xã Mỹ Hiệp

Địa điểm: Thôn Đại Thuận, xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ

Khu đất thuộc tờ bản đồ địa chính số: 36

TỶ LỆ: 1/1000



CHÚ THÍCH

	Số lô
	Diện tích (m ²)
	Lòng đường
	Tìm đường
	Chỉ giới xây dựng

Diện tích: 17.136.1 m²

Tổng số lô: 102 lô

Ngày 10 tháng 10 năm 2023

ĐƠN VỊ ĐÓNG DẤU: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ



Trần Quốc Hòa

Ngày 10 tháng 10 năm 2023

UBND XÃ MỸ HIỆP.



Phạm Thanh Liêm

Ngày 16 tháng 10 năm 2023

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN PHÙ MỸ



Trần Hòa Nguyễn

Ngày 16 tháng 10 năm 2023

PHÒNG TN & MT HUYỆN PHÙ MỸ



Phạm Xuân Việt

Ngày 16 tháng 10 năm 2023

UBND HUYỆN PHÙ MỸ



Phạm Hòa Duy

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

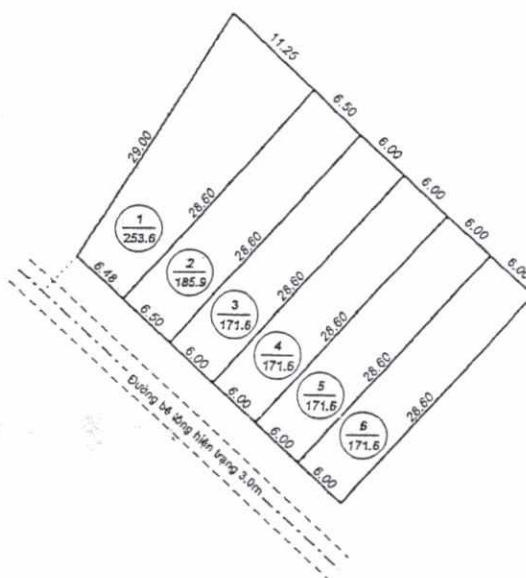
Tên công trình: Xin giao đất khu dân cư năm 2023 xã Mỹ Tài

Địa điểm: Thôn Mỹ Hội 2, xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ

Khu đất thuộc tờ bản đồ địa chính số: 16



TỶ LỆ: 1/500



Tổng số là: 6 lô

ĐƠN VỊ ĐO ĐẠC : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ
ĐO ĐẠC BÌNH PHÚ

UBND XÃ MỸ TÀI *PL*

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Triêm

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT HUYỆN PHÙ MỸ

KT QUẢN LÝ
PHẠO GIANG ĐỐC

Trần Văn Nguyên

PHÒNG TN & MT HUYỆN PHÙ MỸ

TRƯỜNG PHÒNG

Phan Văn Việt

UBND HUYỆN PHÙ MỸ

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

John H. Dwyer

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

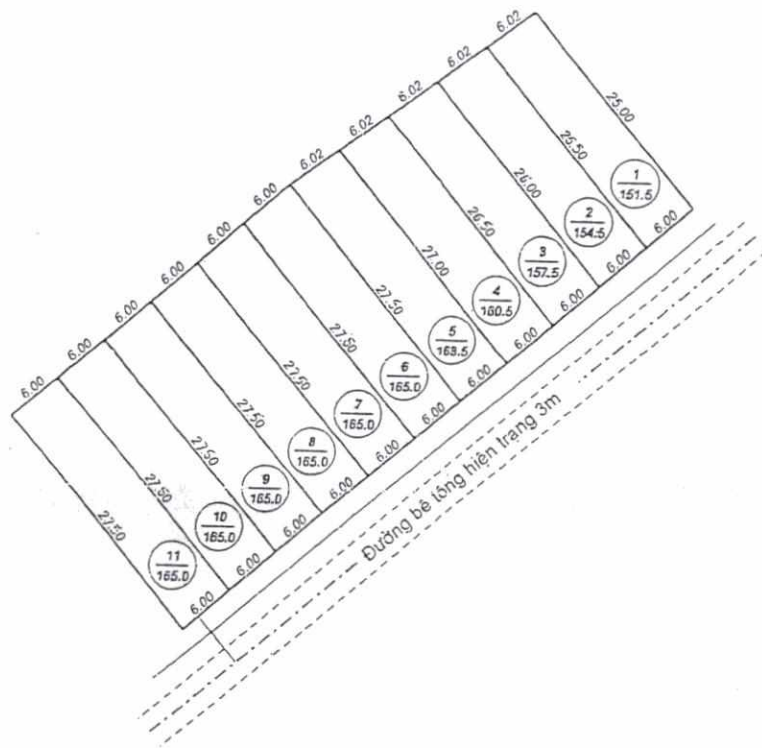
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

SƠ ĐỒ PHÂN LÔ

Tên công trình: Xin giao đất khu dân cư năm 2023 xã Mỹ Tài

Địa điểm: Thôn Vĩnh Phú 3, xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ

Khu đất thuộc tờ bản đồ địa chính số: 16



TỶ LỆ: 1/500

Diện tích: 1777.5 m²

Tổng số lô: 11 lô

Ngày 26 tháng 10 năm 2023

ĐƠN VỊ ĐO ĐẠC : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ
ĐO ĐẠC BÌNH PHÚ

[Signature]

Ngày 26 tháng 10 năm 2023



[Signature]

CHỦ THÍCH



Số lô
Diện tích (m²)
Lòng đường
Tầm đường

Ngày 15 tháng 11 năm 2023

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT HUYỆN PHÙ MỸ

[Signature]

[Signature]

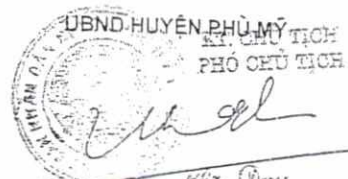
Ngày 05 tháng 11 năm 2023

PHÒNG TÀI CHÍNH HUYỆN PHÙ MỸ



[Signature]

Ngày 03 tháng 11 năm 2023



[Signature]